TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HSPT

Ngày: 05-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức
Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình
2. Bà Lê Thị Tùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 178/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A và các bị cáo khác đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Hoàng Việt A**, sinh năm 1993 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trung H và bà Hoàng Thị N (đã chết); tiền án, tiền sự: không, có vợ Nguyễn Thị Hồng V và có 01 con sinh năm 2019.

2. **Dương Kim T**, sinh năm 1985 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; con ông Dương Trung C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; bị cáo có vợ là Triệu Hương L (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

3. **Trịnh Ích T1**, sinh năm 1994 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; con ông Trịnh Xuân T2 và bà Dương Thủy C1; bị cáo có vợ là Dương Thị Y; tiền án, tiền sự: không.

4. **Nông Văn C**, sinh năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; con ông Nông Văn T2 và bà Lý Thị L1 (đã chết); tiền án, tiền sự: không.

5. **Hoàng Văn L2**, sinh năm 1993, tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12;

dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn Đ và bà Lý Thị B; tiền án, tiền sự: không.

6. **Nông Văn S**, sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Thôn TS, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; con ông Nông Văn T3 và bà Mán Thị S1; tiền án, tiền sự: không.

7. **Đặng Văn H1**, sinh năm 1986, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Đặng Văn V1 và bà Tăng Thị C3; Tiền án, tiền sự: không.

(Các bị cáo đều được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo Dương Kim T, Hoàng Văn L2: Bà Nguyễn Thị Bích N2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn C: Bà Nguyễn Thị Thu T4 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Người bị hại: Anh Phạm Văn Q1 – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: xã EH, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 11/2018, Trịnh Ích T1, Nông Văn S, Hoàng Văn L2, Đặng Văn H1, đến nhà Nguyễn Hoàng Việt A chơi, tại đây A nói với cả nhóm về ý định trộm cắp tài sản tại rẫy anh Phạm Văn Q1 và rủ T1, S, L2, H1 cùng tham gia thì tất cả đồng ý. A gọi điện rủ Dương Kim T, Nông Văn C cùng tham gia. Khoảng 21 giờ 30 phút (không nhớ ngày) đầu tháng 11/2018 thì cả nhóm đi bộ đến rẫy anh Q1, khi đến nơi các bị cáo đã tháo rời các bộ dàn giáo đang dựng tại đây vác về nhà T cất giấu. Sau khi tháo các bộ giàn giáo thì A quan sát thấy các bộ khung cửa chỉ lắp tạm nên nói với đồng phạm tháo ra và đưa về nhà T cất giấu. Trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến 01 giờ ngày hôm sau thì A cùng đồng phạm trộm cắp 15 bộ giàn giáo; 06 bộ khung cánh cửa có cùng kích thước (46 x 112)cm, 12 bộ khung cánh cửa sổ có cùng kích thước (53 x 200)cm; 02 bộ khung cánh cửa có cùng kích thước (66 x 274)cm; 02 bộ khung cánh cửa có cùng kích thước (80 x 215)cm. Sau khi trộm cắp các tài sản trên thì đến trưa cùng ngày A, T1, L2, S, H1 đã dùng xe ô tô BKS 47C-185.39 (là xe của gia đình Trịnh Ích T1) để vận chuyển số tài sản đã trộm cắp được đến bán cho ông Đỗ Hữu H2 với giá 7.000.000 đồng, cả nhóm đã chia nhau số tiền trên. Riêng các bộ cửa sắt do chưa tìm được người mua nên vẫn cất giấu ở nhà A. Sau khi bị phát hiện, các bị cáo đã đến gặp ông Đỗ Hữu H2 để chuộc lại các bộ giàn giáo đã bán cùng các bộ khung cửa giao cho cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-ĐGTS ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Trị giá tài sản trộm cắp là

27.027.524 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, quyết định.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A, Dương Kim T, Trịnh Ích T1, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S, Đặng Văn H1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A, Đặng Văn H1.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo Dương Kim T, Trịnh Ích T1, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù,

bị cáo Trịnh Ích T1 01 (một) năm tù;

Các bị cáo Dương Kim T, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Đặng Văn H1, Nông Văn S mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù,

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/4/2019 các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm cũng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A 15 tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên mức hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A.

Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Dương Kim T, Trịnh Ích T1, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S, Đặng Văn H1 là tương xứng. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo bị rủ rê lôi kéo và có vai trò thứ yếu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, T1, C2, L2, S, H1 theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho các bị cáo T, L2 và C2 nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và cung cấp thêm rằng: Gia đình bị cáo T, bị cáo C2 thuộc hộ cận nghèo. Bản thân bị cáo Tuấn là người bỏ toàn bộ tiền ra để bồi thường trước

cho người bị hại, sau đó các bị cáo mới trả lại cho bị cáo T, gia đình bị cáo T có công với cách mạng, bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ. Vì vậy đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng đầu tháng 11/2018, các bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A cùng đồng bọn đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Văn Q1 tổng trị giá 27.027.524 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét mức hình phạt 15 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Việc bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo là không thể chấp nhận, bởi lẽ bị cáo là người khởi xướng, trực tiếp rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Dương Kim T, Trịnh Ích T1, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S, Đặng Văn H1 là phù hợp. Tuy nhiên, việc bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết. Bởi lẽ, sau khi phạm tội các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; sau khi bị phát hiện thì các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bằng cách chuộc lại tài sản đã bán và nộp toàn bộ tài sản đã trộm cắp cho cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại. Các bị cáo Dương Kim T, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S và Trịnh Ích T1 là người dân tộc thiểu số sống trong vùng khó khăn nên được áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do

được chấp nhận một phần kháng cáo nên các bị cáo Dương Kim T, Trịnh Ích T1, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S, Đặng Văn H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Dương Kim T, Trịnh Ích T1, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S, Đặng Văn H1.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Ích T1 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Dương Kim T 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nông Văn C 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L2 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nông Văn S 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn H1 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo: Trịnh Ích T1, Dương Kim T, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và giao bị cáo Đặng Văn H1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp có bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng Việt A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Dương Kim T, Trịnh Ích T1, Nông Văn C, Hoàng Văn L2, Nông Văn S, Đặng Văn H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã E, huyện C;
- UBND thị trấn Q, huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.